

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55 /2021/HS-ST
Ngày 25 - 8- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Nguyễn Danh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2021;

Đối với bị cáo: **Lê Thị L**, tên gọi khác: không, sinh ngày 24/01/1982 tại: xã X, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Huy D (đã chết); con bà Lê Thị L; chồng: Nguyễn Văn C; và 01 con sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2021 đến nay. Hiện bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T; Có mặt.

- Người bị hại: chị Lê Thị S, sinh năm 1979; vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Tĩnh T, xã X, huyện T, tỉnh T

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987; vắng mặt.

Địa chỉ: thôn T, xã X, huyện T, T

2. Anh Đỗ Đức M; vắng mặt

3. Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1965; vắng mặt

Đều trú tại: khu 2 thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 13/6/2021, Công an xã X, huyện T tiếp nhận tin báo của chị Lê Thị S, sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã X về việc: Sáng ngày 09/6/2021, gia đình chị S bị kẻ gian đột nhập vào nhà lấy trộm 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc biển kiểm soát 36D1-488.40 mua năm 2018 với giá 18.500.000đ. Ngày 10/6/2021, anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987, ở thôn Tỉnh T, xã X báo cáo với cơ quan Công an xã việc phát hiện một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc biển kiểm soát 36D1-488.40 do một người phụ nữ không rõ tên tuổi địa chỉ đến trước nhà anh S có ý định lấy trộm sắt, khi bị anh S phát hiện thì bỏ đi và để lại xe. Anh S đã giao nộp xe cùng giấy tờ trong cốp xe cho Công an xã. Đến khoảng 05 giờ ngày 17/6/2021, anh S phát hiện người phụ nữ trên tại khu vực cánh đồng xã X nên đã báo cáo công an xã. Đến 07 giờ ngày 17/6/2021, Lê Thị L đến Công an xã X xin được đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Cơ quan điều tra L khai nhận: Ngày 07/6/2021, L từ tỉnh Hải Dương về xã X nhưng không về nhà mẹ đẻ mà đi lang thang trên đường. Ngày 08/6/2021, L đi ngang qua nhà chị S thấy có 01 chiếc xe máy để ngoài sân nên L nảy sinh ý định lấy trộm xe làm phương tiện đi lại, đến khoảng 19 giờ cùng ngày L đến thị trấn T mua 01 cửa sắt (tại cửa hàng Vỹ Lan ở khu 1, thị trấn Thọ Xuân) rồi quay lại nhà chị S. Khoảng từ 00 giờ ngày 09/6/2021, L dùng cửa cắt khóa cổng nhà chị S, vào sân dắt xe máy ra khỏi cổng, khóa cửa cổng L lấy treo vào móc treo đồ của xe máy, lưới cửa giắt vào vị trí giá để chân phải sau rồi khép cửa cổng lại. L dắt xe đi vào đường làng rồi theo đường đê Sông Chu đến cửa hàng cắt khóa Đỗ M của ông Đỗ Đức M, ở khu 2, thị trấn T thuê cắt chìa khóa điện của xe. Do chìa khóa cắt không có phần khóa từ nên khi đi ra khu đô thị N, L đóng nắp khóa từ và không mở khóa điện được. L ngồi ở một ghế đá trong khu đô thị đến khoảng 15 giờ chiều cùng ngày thì dắt bộ xe đi về xã X, lúc này có một thanh niên nam (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đi qua đã giúp L đấu dây điện để nổ máy. Khoảng 03 giờ ngày 10/6/2021, L điều khiển xe máy đến nhà anh S để lấy trộm sắt thép nhưng chưa lấy được thì bị anh S phát hiện. L nói với anh S mình “tên là V ở làng H, xã T”, khi được anh S để cho đi thì L bỏ lại chiếc xe máy trước nhà anh S. Ngày 18/6/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Yêu cầu định giá số 19 yêu cầu xác định giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm bị trộm cắp. Tại Biên bản và Kết luận định giá tài sản số 18 ngày 21/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định: Giá trị còn lại của xe Honda Wave màu đen, bạc biển kiểm soát 36D1-488.40 là 11.100.000đ (Mười một triệu một trăm

ngìn đồng). Đối với ổ khóa Việt Tiệp mà L lấy ở công, chị S không nhớ thời gian mua, ổ khóa dùng đã lâu không còn giá trị nên chị Sâm không yêu cầu, không xem xét.

* Về đồ vật, tài liệu thu giữ của vụ án:

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda wave màu đen bạc, biển kiểm soát 36D1-488.40; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Lê Thị S; 01 thẻ ngân hàng ABC mang tên Lê Thị S. Ngày 23/6/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu;

- Đối với 01 lưới cửa bằng kim loại dài khoảng 30cm, rộng 03 cm; 01 khóa móc nhãn hiệu Việt Tiệp màu đen, đã qua sử dụng, phần móc khóa màu trắng đã bị cắt đứt phần chân gần cổ, L khai báo đã làm rơi, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa có kết quả.

* Về phần bồi thường dân sự: chị Lê Thị S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKSTX ngày 30/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Thị L, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị L thừa nhận ngày 09/6/2021 lấy trộm chiếc xe máy Honda Wawe màu đen, biển soát 36D1 - 48.840 đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị L, phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”

Về hình phạt: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị L từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 11 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 09/6/2021, tại thôn T, xã X, Lê Thị L đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Hon da Wave màu trắng đen bạc, hiển kiểm soát 36D1- 48 840 của chị Lê Thị S trị giá 11 100.000đ (mười một triệu một trăm nghìn đồng). Hành vi này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình đã gây ra.

Bị cáo Lê Thị L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này bị cáo chỉ vì muốn có phương tiện để sử dụng mà không phải bỏ sức lao động, nên khi thấy có sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, đã bất chấp pháp luật, lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của người khác. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, việc đưa vụ án ra xét xử và lên một mức án nghiêm minh đối với bị cáo là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ: “ *Người phạm tội thành khẩn khai báo*”, “ *phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng* “ quy định tại điểm i, s khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo *đầu thú* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Bị cáo L là người đã trưởng thành, có đủ sức khỏe và nhận thức nhưng lười lao động, coi thường pháp luật; Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, bắt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo, đồng thời đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Xét thấy bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội; xử phạt bị cáo mức án phạt tù như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: chị Lê Thị S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm, nên miễn xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 09 (chín) tháng tù; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí:

Bị cáo Lê Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Hồng Đức